

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TH
TỈNH TH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản số: **32/2020/HNGĐ – ST**

Ngày: 12/6/2020

V/v: *Tranh chấp ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TH, TỈNH TH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Nhung

2. Ông Lê Văn Ninh

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TH, tỉnh TH.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH: Bà Hoàng Thị Diệu Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2020 tại hội trường, Tòa án nhân dân thành phố TH, tỉnh TH tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 926/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2020/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Nghiêm Thị Tố U, sinh năm 1996.

Nơi cư trú: Xóm B, xã Q, thành phố TH, tỉnh TH. *(Có mặt tại phiên tòa)*

* Bị đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1992.

Nơi cư trú: Xóm B, xã Q, thành phố TH, tỉnh TH. *(Có đơn xin xét xử vắng mặt)*

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nghiêm Thị Tố U trình bày: Chị và anh Phạm Văn T kết hôn năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thành phố TH, tỉnh TH. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa thuận đến năm 2018 thì nảy sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân xin ly hôn chị U khai: Bắt đầu từ năm 2018 anh T thường xuyên uống rượu, bia và thường hay đi chơi cùng bạn bè về muộn. Chị và gia đình đã khuyên can nhiều lần nhưng anh T không nghe vẫn tiếp tục uống rượu, bia và khi

uống say về còn nói năng không đúng mực với bố mẹ. Anh T không quan tâm, chăm sóc gì đến vợ con, không chăm lo cho cuộc sống chung của gia đình. Vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Xin ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung Phạm Thị Diệu T1, sinh ngày 03/5/2015 và Phạm Nghiêm T2, sinh ngày 20/6/2018. Nếu ly hôn chị U có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung. Không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Chị U xác định không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị U nhận nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Tại bản tự khai của anh Phạm Văn T đã trình bày: Anh và chị U kết hôn năm 2014 tại ủy ban nhân dân xã P, thành phố TH, tỉnh TH trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Hai vợ chồng chung sống bình thường hạnh phúc. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn và đã sống ly thân từ tháng 7/2019. Nếu chị U xin ly hôn, anh nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Phạm Thị Diệu T1, sinh ngày 03/5/2015 và Phạm Nghiêm T2, sinh ngày 20/6/2018. Nếu ly hôn, anh T có nguyện vọng được nuôi dưỡng một con chung

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T xác định hai vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Phạm Văn T đã được giao nhận các văn bản tố tụng, nhưng anh vẫn vắng mặt. Do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được và phải đưa vụ án ra xét xử tại phiên tòa hôm nay.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt anh T thể hiện quan điểm nhất trí ly hôn, nhất trí để chị U nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết về T sản chung và nợ chung.

Kết thúc phần hỏi, vị đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố TH phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Đối với Thẩm phán, thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết việc dân sự như: Thụ lý vụ án Hôn nhân gia đình, lập hồ sơ và chấp hành về thời gian chuẩn bị xét xử; thời hạn tiến hành phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn: Chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn: Không chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015 quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/2016 của UBTVQH, Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nghiêm Thị Tố U, cho chị Nghiêm Thị Tố U được ly hôn với

anh Phạm Văn T; Về con chung: Giao con chung là Phạm Thị Diệu T1, sinh ngày 03/5/2015 và Phạm Nghiêem T2, sinh ngày 20/6/2018 cho chị Uyên trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh T được quyền đi lại thăm nom con chung; Về cấp dưỡng nuôi con chung chị U không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung: đề nghị không giải quyết; Về án phí chị U phải nộp án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; Chị Nghiêem Thị Tổ U và anh Phạm Văn T đều có nơi cư trú tại thành phố TH, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố TH theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt anh Phạm Văn T, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nghiêem Thị Tổ U và anh Phạm Văn T kết hôn năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, không bị ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thành phố TH, tỉnh TH nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Lý do chị U xin ly hôn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung, anh T ham chơi không quan tâm đến gia đình. Vợ chồng sống ly thân từ giữa năm 2019 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Anh T cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị U xin ly hôn anh cũng nhất trí. Hội đồng xét xử xét thấy mục đích hôn nhân giữa chị U và anh T không đạt được, nếu duy trì quan hệ hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên. Do đó, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị U là phù hợp với thực tế quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị U có nguyện vọng được nuôi con chung là Phạm Thị Diệu T1, sinh ngày 03/5/2015 và Phạm Nghiêem T2, sinh ngày 20/6/2018. Hiện nay cháu T1 và T2 đang sinh sống cùng chị U. Chị U có nguyện vọng được nuôi cả hai con. Tại bản tự khai anh T có nguyện vọng nuôi một con chung, song trước khi mở phiên tòa trong đơn xin xét xử vắng mặt anh nhất trí để chị U trực tiếp nuôi cả hai con chung. Hội đồng xét xử thấy các con của anh chị còn nhỏ, rất cần sự chăm sóc của người mẹ và tránh sự sáo trộn trong cuộc sống của con, mặt khác chị U cũng có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Nên chấp nhận yêu cầu của chị U, giao con chung là Phạm Thị Diệu T1, sinh ngày 03/5/2015 và Phạm Nghiêem T2, sinh ngày 20/6/2018 cho chị U trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác là phù hợp với thực tế và Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định: “1. Sau khi ly hôn, vợ chồng vẫn có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc, không có khả năng lao động và không có T sản để tự nuôi mình theo quy định của luật này, bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan.

2. Vợ chồng thoả thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ và quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thoả thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị U không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị U và anh T đều xác định không có tài sản chung, không có nợ chung và đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị U phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Áp dụng: Các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/ 2016/ UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nghiêm Thị Tố U. Chị Nghiêm Thị Tố U được ly hôn với anh Phạm Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Nghiêm Thị Tố U trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung: Phạm Thị Diệu T1, sinh ngày 03/5/2015 và Phạm Nghiêm T2, sinh ngày 20/6/2018 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh Phạm Văn T được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

* Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết vì chị U không yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Án phí: Chị Nghiêm Thị Tố U phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm vào Ngân sách Nhà nước, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002433 ngày 05/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TH.

5. Quyền kháng cáo: Chị Nghiêm Thị Tố U có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TH
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thành phố TH;
- THADS thành phố TH;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Thanh Trúc

TH, ngày 12 tháng 6 năm 2020

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thanh Trúc

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Ninh

2. Bà Nguyễn Thị Nhung

Vào hồi 9 giờ 00 phút , ngày 12/6/2020 tại Phòng nghị án, HĐXX sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 926/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2019 về việc “ly hôn”, giữa:

* Nguyên đơn: Chị Nghiêm Thị Tố Uyên, sinh năm 1996.

Nơi cư trú: Xóm B, xã Q, thành phố TH, tỉnh TH. *(Có mặt tại phiên tòa)*

* Bị đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1992.

Nơi cư trú: Xóm B, xã Q, thành phố TH, tỉnh TH. *(Có đơn xin xét xử vắng mặt)*

1. Điều luật áp dụng:

Căn cứ: Các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng: Các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/ 2016/ UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2. Tuyên xử:

2.1. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nghiêm Thị Tố Uyên. Chị Nghiêm Thị Tố Uyên được ly hôn với anh Phạm Văn T.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2.2. Giao cho chị Nghiêm Thị Tố Uyên trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung: Phạm Thị Diệu Thảo, sinh ngày 03/5/2015 và Phạm Nghiêm Tiến, sinh ngày 20/6/2018 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh Phạm Văn T được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

* *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:* Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết vì chị Uyên không yêu cầu.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2.3. Về T sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2.4. Án phí: Chị Nghiêm Thị Tố Uyên phải nộp 300.000 đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm vào Ngân sách Nhà nước, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002433 ngày 05/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TH.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2.5. Quyền kháng cáo: Chị Nghiêm Thị Tố Uyên có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

Biên bản nghị án kết thúc cùng ngày.

THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Thanh Trúc

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND TP TN;
- Chi cục THADS TP TN;
- Các đương sự;
- UBND xã P, thành phố TH;
- Lưu HS, BP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trương Thị Thanh Trúc